

Bản án số: 19/2020/DS-ST
Ngày: 15-7-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN BIÊN, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Na.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tám;
2. Bà Đinh Thanh Thúy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Lợi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 372/2019/TLST-DS ngày 13/12/2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2020/QĐXXST-DS ngày 26/5/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị Th, sinh năm 1966, vắng mặt;

Cư trú tại: Tổ 13, ấp P, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn:

1. Bà Lê Thị Ng, sinh năm 1968, vắng mặt;
2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1965, vắng mặt;

Cùng cư trú tại: Số nhà 2100, tổ 10, ấp L, xã B, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 07/11/2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Lê Thị Th trình bày:

Vào ngày 25/7/2013, vợ chồng bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T có vay của bà số tiền 310.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn trả nợ Ngân hàng. Khi vay vợ chồng bà Ng, ông T có viết giấy vay tiền cho bà, hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng; bà Ng, ông T hẹn 10 ngày sau khi nhận được tiền vay của Ngân hàng sẽ hoàn trả lại cho bà. Khi vay, bà Ng, ông T không thể chấp T sản gì cho bà. Kể từ ngày vay, bà Ng, ông T có trả cho bà tiền nợ gốc như sau: Ngày 10/8/2015 trả 100.000.000 đồng; ngày 05/7/2016 trả 2.000.000 đồng; ngày 19/11/2016 trả 4.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 trả 7.000.000 đồng; ngày 13/3/2017 trả 4.000.000 đồng; ngày 16/11/2017 trả 5.000.000 đồng. Tổng cộng bà Ng, ông T trả cho bà được 122.000.000 đồng tiền nợ gốc, còn tiền lãi chưa trả.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà Ng, ông T trả cho bà số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/02/2020 bị đơn bà Nguyễn Thị Ng trình bày:

Bà Ng thừa nhận vào ngày 25/7/2013 bà và chồng bà là ông Nguyễn Văn T có vay của bà Th số tiền 310.000.000 đồng để đáo hạn nợ của Ngân hàng. Khi vay vợ, chồng bà có viết giấy nợ cho bà Th, hẹn trong vòng 05 ngày sẽ trả nợ cho bà Th. Lãi suất vay là 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Khi vay tiền, vợ chồng bà không thể chấp T sản cho bà Th. Sau khi bà trả nợ Ngân hàng xong, vay lại có tiền là bà trả hết tiền nợ gốc 310.000.000 đồng cho bà Th vào năm 2013 (ngày, tháng trả tiền cụ thể bà không nhớ), nhưng do tin tưởng nên bà không lấy lại giấy nợ gốc, còn tiền lãi bà chưa trả; bà Th tính tiền lãi bà còn nợ lại bà Th 80.000.000 đồng. Sau đó bà có trả tiền lãi cho bà Th: Ngày 05/7/2016 trả 2.000.000 đồng; ngày 19/11/2016 trả 4.000.000 đồng; ngày 23/01/2017 trả 7.000.000 đồng; ngày 13/3/2017 trả 4.000.000 đồng; ngày 16/11/2017 trả 5.000.000 đồng; tổng cộng là 22.000.000 đồng tiền lãi; như vậy tiền lãi bà còn nợ bà Th là 58.000.000 đồng. Khi trả tiền lãi bà Th có ghi giấy và bà ký tên vào.

Nay bà Th khởi kiện yêu cầu bà và ông T hoàn trả số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày 17/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án, bà không đồng ý. Bà chỉ chấp nhận cùng ông T trả cho bà Th số tiền lãi mà vợ chồng bà còn nợ là 58.000.000 đồng.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt;
- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội qui phiên tòa;

+ Về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn;

+ Về kiến nghị khắc phục: Không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/5/2020 bà Lê Thị Th có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. **Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Th. Bị đơn bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do, căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T.**

[2] Về pháp luật áp dụng: Giao dịch dân sự về hợp đồng vay T sản giữa bà Lê Thị Th và bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T được xác lập từ năm 2013 trước ngày Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, căn cứ vào Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015 áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự năm 2005 để giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Mặc dù giao dịch vay tiền giữa bà Th với bà Ng, ông T từ năm 2013, nhưng bà Ng trả tiền cho bà Th từ sau ngày vay cho đến ngày trả nợ sau cùng là ngày 16/11/2017. Do đó xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay T sản”.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th yêu cầu bà Lê Thị Ng và ông Nguyễn Văn T hoàn trả số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án, **Hội đồng xét xử nhận thấy:**

Bà Th và bà Ng thống nhất trình bày: Ngày 25/7/2013, vợ chồng bà Ng, ông T có vay của bà Th số tiền 310.000.000 đồng. Khi vay bà Ng, ông T có viết giấy nợ cho bà Th. Bà Ng cho rằng: Bà đã trả cho bà Th số tiền nợ gốc 310.000.000 đồng vào năm 2013, ngày tháng trả tiền bà không nhớ; khi trả bà không thu hồi lại giấy nợ gốc; bà chỉ còn nợ tiền lãi bà Th 80.000.000 đồng, sau đó bà đã trả được

tổng cộng 22.000.000 đồng, khi trả tiền bà Th có ghi giấy theo dõi ngày trả tiền và bà có ký tên; hiện nay bà còn nợ bà Th tiền lãi 58.000.000 đồng. Nhưng bà Ng không đưa ra được chứng cứ gì để chứng minh cho việc bà đã xong tiền nợ gốc cho bà Th 310.000.000 đồng. Bà Th cho rằng số tiền bà Ng trả cho bà là tiền nợ gốc, tổng cộng bà Ng đã trả cho bà được 122.000.000 đồng; tất cả những lần trả tiền bà có ghi vào giấy theo dõi có chữ ký của bà Ng. Hiện nay bà Ng, ông T còn nợ bà Th số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng. Do đó bà Th khởi kiện bà Ng, ông T yêu cầu trả số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu tính tiền lãi của bà Th từ ngày 17/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án theo quy định của pháp luật thấy rằng: Bà Th cho rằng từ khi vay bà Ng, ông T chưa trả tiền lãi, số tiền bà Ng trả bà 122.000.000 đồng là tiền nợ gốc; bà Ng cho rằng số tiền bà trả bà Th là tiền lãi. Bà Ng không đưa ra được chứng cứ để chứng minh việc bà đã trả tiền lãi cho bà Th. Do đó việc bà Th yêu cầu tính tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 17/11/2017 đến khi giải quyết xong vụ án là có căn cứ chấp nhận. Bà Th cho rằng bà cho vay lãi suất 2%/tháng; bà Ng cho rằng bà Th cho vay lãi suất 3.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Do có tranh chấp về lãi suất, căn cứ vào khoản 2 Điều 476 Bộ luật Dân sự lãi suất được tính theo lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với thời hạn vay tại thời điểm trả nợ, mức lãi suất là 0,75%/1 tháng. Tiền lãi được tính cụ thể như sau:

Số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng x 0,75%/1tháng x 31 tháng 28 ngày (từ ngày 17/11/2017 đến ngày 15/7/2020) = 45.026.000 đồng.

Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi bà Ng, ông T phải trả cho bà Th là: 188.000.000 đồng + 45.026.000 đồng = 233.026.000 đồng.

[6] Về trách nhiệm trả nợ: Mặc dù không làm việc được với ông Nguyễn Văn T chồng bà Lê Thị Ng, nhưng xét thấy bà Th và bà Ng đều thừa nhận là bà Ng, ông T cùng vay tiền của bà Th; chữ ký người mượn trong giấy nợ đề ngày 25/7/2013 là của bà Ng, ông T. Căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình cần buộc ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới cùng bà Lê Thị Ng hoàn trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi 45.026.000 đồng, tổng cộng 233.026.000 đồng.

[7] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th là có căn cứ chấp nhận; cần buộc bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T hoàn trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi 45.026.000 đồng, tổng cộng 233.026.000 đồng.

[8] Về án phí: Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm do yêu cầu của bà Th được chấp nhận; bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền 233.026.000 đồng mà bà Ng, ông T phải hoàn trả cho bà Th.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 471, 474, 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình; **khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự** khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị Th. Buộc bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho bà Lê Thị Th số tiền nợ gốc 188.000.000 đồng và tiền lãi 45.026.000 đồng, tổng cộng 233.026.000 (hai trăm ba mươi ba triệu không trăm hai mươi sáu nghìn) đồng.

2. Về án phí:

- Bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T **phải chịu 11.651.000 (mười một triệu sáu trăm năm mươi một nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm;**

- Bà Lê Thị Th không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho bà Lê Thị Th 5.828.000 (năm triệu tám trăm hai mươi tám nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0006949 ngày 13/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Biên, tỉnh Tây Ninh.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, nếu bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T không chịu trả số tiền trên thì hàng tháng bà Lê Thị Ng, ông Nguyễn Văn T còn phải trả cho bà Lê Thị Th số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- PKTNV TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Biên;
- Chi cục THA DS huyện Tân Biên;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Na

